

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 259/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 02 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 195/TTr-STP ngày 14/02/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên *(có Phụ lục I kèm theo)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ **32** thủ tục hành chính về lĩnh vực hộ tịch *(01 TTHC lĩnh vực hộ tịch tại phần I. TTHC dùng chung, 15 TTHC lĩnh vực hộ tịch tại phần III. TTHC cấp huyện, 16 TTHC lĩnh vực hộ tịch tại phần IV. TTHC cấp xã)* được ban hành tại Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên *(có Phụ lục II kèm theo)*.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HỘ TỊCH**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH THÁI NGUYÊN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 259 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

**PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>					
1	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <b>Địa chỉ:</b> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.  + Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện;	Phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã.		<p>Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	
2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì</p>	<p>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><b>Địa chỉ:</b></p>	<p>Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục hộ tịch</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện;</p> <p>+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã.</p>		<p>và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	

## PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>					
1	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ ( <i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến.</i> )	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
2	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí: 1.200.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người</i>	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p><i>thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến)</i></p>	<p>và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
3	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện</p>	<p>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (<i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i>).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi</p>	<p>Một cửa</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
4	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí:1.200.000 đồng /hồ sơ ( <i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i> ). - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản ( <i>Quy định tại Thông tư</i>	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	<p>hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
5	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí: + Đăng ký khai sinh 70.000 đồng/hồ sơ; + Đăng ký nhận, cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 1.200.000 đồng/hồ sơ (Miễn</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p><i>lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</i></p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản <i>(Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</i></p>	<p>và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
6	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ; 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (<i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i>).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
7	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (<i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i>).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				(nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
8	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>		<p>tịch có yếu tố nước ngoài, xác định lại dân tộc: 28.000 đồng/ hồ sơ (<i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i>).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-</i></p>	<p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p><i>BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</i></p>	<p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
9	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
10	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ ( <i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i> ).  - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản ( <i>Quy định tại</i>	- Luật Hộ tịch năm 2014;  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p><i>Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</i></p>	<p>123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> <li>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
11	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trong trường hợp phải xác minh thì thời</p>	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ</p> <p><i>(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy</i></p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		<p><i>định khi thực hiện trực tuyến).</i></p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</p>	<p>dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
12	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí:70.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách</i>	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		quyết không quá 25 ngày		<p><i>mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</i></p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</p>	<p>và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (<i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i>).</li> <li>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTCH
					<p>và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</li> </ul>	
14	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí: 1.200.000 đồng/hồ sơ ( <i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i> ).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
15	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí: 70.000 đồng/ hồ sơ ( <i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm</i>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p>50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

### PHẦN III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>					
1	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 đồng/hồ sơ ( <i>Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i> ). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản ( <i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-</i>	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	<p>và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
2	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Miễn lệ phí - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản ( <i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i> )	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	
3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết	- Lệ phí: 15.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí cho</i>	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		giải quyết không quá 08 ngày làm việc	TTHC của UBND cấp xã	<p><i>người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến.</i></p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</p> <p>.</p>	<p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	<p>- Lệ phí:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn là : 7.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ con: 15.000 đồng/hồ sơ</p> <p><i>(Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</i></p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản <i>(Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
5	Thủ tục đăng ký khai tử	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã</p>	<p>- Lệ phí: Đăng ký khai tử không đúng hạn: 7.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách</i></p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của</p>	<p>Một cửa</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p><i>mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</i></p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản <i>(Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</i></p>	<p>Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
6	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại nhà riêng hoặc	- Lệ phí: Trường hợp đăng ký khai sinh không đúng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	hạn là : 7.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</i>	15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
7	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
8	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	- Lệ phí Đăng ký khai tử không đúng hạn: 7.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc</i>	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<i>hộ nghèo; người khuyết tật).</i>	<p>123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
9	Thủ tục đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn lệ phí đăng ký.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	
10	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn lệ phí.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			TTHC của UBND cấp xã	chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tur số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	
11	<p>Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch</p>	<p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã</p>	<p>- Lệ phí thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước: 15.000 đồng/hồ sơ</p> <p><i>(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy</i></p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</p>	<p>Một cửa</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p><i>định khi thực hiện trực tuyến).</i></p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</p>	<p>15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/hồ sơ (<i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i>).</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
13	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết	- Lệ phí: 7.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có</i>	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	TTHC của UBND cấp xã	<p><i>công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</i></p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</p>	<p>quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li><li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li><li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí</li></ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
14	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	<p>- Lệ phí: 7.000 đồng/hồ sơ (<i>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến</i>).</p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (<i>Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i>)</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTCH
					<p>và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
15	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí: 25.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</i>	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
16	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí: 7.000 đồng/hồ sơ <i>(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm</i>	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p>50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính).</p>	<p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

## PHỤ LỤC II

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC
<b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG</b>		
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
<b>II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>		
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
<b>III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>		
1	Đăng ký khai sinh	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
2	Đăng ký kết hôn	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
5	Đăng ký khai tử	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục

		thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
6	Đăng ký khai sinh lưu động	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
7	Đăng ký kết hôn lưu động	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
8	Đăng ký khai tử lưu động	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
9	Đăng ký giám hộ	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

11	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
13	Đăng ký lại khai sinh	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
15	Đăng ký lại kết hôn	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
16	Đăng ký lại khai tử	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.